

TOÀ ÁN ND HUYỆN V
TỈNH HƯNG YÊN

Bản án số: 18/2021/HSST

Ngày 05/02/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn T**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn K.**

Bà **Nguyễn Thị T.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Quang Đ.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị P** - Kiểm sát viên.

Ngày 05/02/2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện V - tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 08/2021/HSST ngày 19/01/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2021 đối với Bị cáo:

Nguyễn Ngọc Đ, Sinh năm: 1982; HKTT: thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Trình độ văn hoá: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Ngọc L và bà: Đặng Thị Đ; Vợ: Nguyễn Thị H; Con: Có 02 con, lớn sinh năm: 2012, nhỏ sinh năm: 2014; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo hiện đang tại ngoại và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:**

1. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1980 (có mặt);

2. chị Lê Thị Tr, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Đều có địa chỉ: thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc Đ ở thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên nảy sinh ý định Trộm cắp tài sản của người

khác. Khoảng 01 giờ ngày 11/7/2020, Đ đi xe đạp một mình từ nhà ở thôn N, xã L, huyện V đến nhà chị Lê Thị Tr ở thôn K, xã L, huyện V để trộm cắp tài sản. Khi đi đến nơi, Đ dừng lại quan sát thấy nhà chị Tr đã đóng cửa đi ngủ. Đ dựng xe đạp ở ven đường rồi trèo lên bức tường rào để vào sân nhà ông Nguyễn Văn Th (bên cạnh nhà chị Tr), rồi trèo lên bể nước, trèo lên trần nhà tầng 02, sau đó Đ chui qua ô thoáng chỗ nhà vệ sinh nhà chị Tr tiếp giáp với trần nhà ông Th để vào nhà. Khi vào được bên trong, Đ thấy gần cầu thang có 01 phòng chứa đồ, qua ánh sáng của đèn đường hắt vào qua ô cửa thì thấy bên trong treo nhiều quần áo nhưng không có người, Đ đi vào sờ các túi quần đang treo ở móc quần áo trên tường thì thấy tại túi quần phía trước bên phải của chiếc quần sooc bò nam bên trong có số tiền 2.100.000 đồng (*gồm: 02 tờ tiền polime mệnh giá 500.000đ, 05 tờ tiền polime mệnh giá 200.000đ, 01 tờ tiền polime mệnh giá 100.000đ*), Đ cầm tiền cất vào túi quần phía trước bên phải đang mặc của mình rồi tiếp tục lục tìm các túi quần áo khác nhưng không thấy gì. Đ thấy có 01 chiếc túi xách nữ màu đen treo trên móc quần áo, Đ mở túi ra xem thấy bên trong có 01 chiếc ví giả da màu nâu, Đ cầm chiếc ví cất vào túi quần của mình rồi đi theo đường cầu thang xuống tầng 1. Thấy cửa chính ra vào chỉ khép, không khóa, Đ mở cửa đi ra sân phía trước nhà đi đến chỗ quầy hàng tạp hóa, Đ tìm xung quanh nhưng không có tiền nên đã lấy 01 cây thuốc lá Thăng Long chưa sử dụng trên kệ hàng. Sau đó Đ ra khỏi nhà chị Tr theo đường cũ đã vào rồi đi xe đạp về nhà. Đến khoảng 05 giờ ngày 11/7/2020 chồng chị Tr là anh Nguyễn Văn K đi làm thì phát hiện bị mất số tiền 2.100.000 đồng cất trong túi quần, chị trang kiểm tra còn bị mất 01 chiếc ví giả da màu nâu bên trong có 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 đăng ký xe mô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô, 01 chứng minh thư nhân dân đều mang tên Nguyễn Văn K. Tại quầy hàng tạp hóa bị mất 01 cây thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long chưa sử dụng. Xem lại hình ảnh Camera của gia đình, chị Tr và anh K nhận ra người trộm cắp tài sản là Nguyễn Ngọc Đ (do trước đó Đ đã nhiều lần đến nhà chị Tr mua đồ). Đến khoảng 17 giờ ngày 11/7/2020 chị Tr và anh K đến nhà Đ hỏi rõ sự việc thì Đ thừa nhận đã vào nhà chị Tr trộm cắp tài sản, đồng thời trả lại cho vợ chồng chị Tr 01 chiếc ví giả da màu nâu bên trong có 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 đăng ký xe mô tô, 01 chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô, 01 chứng minh thư nhân dân đều mang tên Nguyễn Văn K, còn số tiền 2.100.000 đồng Đ đã tiêu xài hết, cây thuốc lá Thăng Long Đ tự khai đã hút hết nên không trả lại.

Ngày 13/7/2020 chị Tr làm đơn trình báo gửi Công an xã L đề nghị giải quyết đồng thời giao nộp 01 chiếc ví giả da màu nâu bên trong có 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 đăng ký xe mô tô, 01 chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô, 01 chứng minh thư nhân dân đều mang tên Nguyễn Văn K. Ngày 22/7/2020 Công an xã L đã bàn giao hồ sơ cùng vật chứng đến Cơ quan CSĐT - Công an huyện V để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 18/8/2020, Cơ quan CSĐT - Công an huyện V đã ra Yêu cầu định giá tài sản số: 107/YCĐG đề nghị Hội đồng định giá tài sản huyện V tiến hành định giá đối với tài sản mà Đ đã chiếm đoạt. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 57 ngày 07/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện V kết luận: *“01 chiếc ví giả da màu nâu, kích thước (11x8,5x0,5)cm, đã qua sử dụng, thu giữ được tài sản, tại thời điểm ngày 11/7/2020 có giá trị là: 20.000 đồng; 01 cây thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long, chưa qua sử dụng, chưa thu giữ được tài sản, tại thời điểm ngày 11/7/2020 có giá trị là: 90.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là: 110.000 đồng”*.

Quá trình điều tra chị Tr đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện V 01 đĩa CD ghi lại hình ảnh người nam giới vào nhà chị Tr thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đêm ngày 11/7/2020 mà chị Tr trích xuất từ camera lắp đặt tại gia đình. Cơ quan CSĐT - Công an huyện V đã tiến hành cho Đ xem hình ảnh. Đ thừa nhận: Nam thanh niên xuất hiện trong Video vào nhà chị Tr trộm cắp tài sản chính là Đ.

Ngày 19/11/2020, Cơ quan CSĐT - Công an huyện V đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 250/QĐ-CQĐT trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định hình ảnh trong đĩa CD do chị Tr giao nộp. Ngày 09/12/2020 Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: *“Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong tệp video gửi giám định”*.

Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe đạp mà Đ sử dụng đi trộm cắp tài sản là phương tiện đi làm của chị Nguyễn Thị H (vợ Đ, hai vợ chồng đã ly thân). Tối ngày 11/7/2020 chị H về nhà thăm con ốm, có ngủ lại và để xe đạp ở sân, việc Đ sử dụng chiếc xe đi trộm cắp tài sản chị H hoàn toàn không biết nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

Đối với 01 chiếc ví giả da màu nâu, 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 đăng ký xe mô tô, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự đều mang tên anh Nguyễn Văn K, ngày 19/10/2020 cơ quan điều tra - Công an huyện V đã trả lại cho vợ chồng chị Tr, chị Tr đã nhận lại tài sản; 01 cây thuốc lá Thăng Long do giá trị tài sản thấp nên vợ chồng chị Tr tự nguyện không yêu cầu Đ phải bồi thường. Chị Tr và anh K yêu cầu Đ phải bồi thường số tiền 2.100.000 đồng đã chiếm đoạt, Đ đồng ý bồi thường nhưng hiện nay vẫn chưa bồi thường.

Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Cáo trạng số 14/CT - VKS, ngày 18/01/2021 của VKSND huyện V truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Đ về tội **“Trộm cắp tài sản”** theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Bị hại anh Nguyễn Văn K có ý kiến: Tại Cơ quan điều tra anh có yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường số tiền 2.100.000đ nhưng hôm nay tại phiên tòa bị cáo Đ tỏ ra ăn năn, hối lỗi, xin lỗi anh nên anh tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền trên và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát huyện V đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử bị cáo Nguyễn Ngọc Đ phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ từ 9 tháng đến 1 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 1 năm 6 tháng đến 2 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Bị cáo Đ cho Ủy ban nhân dân xã L giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn K tại phiên tòa tự nguyện không yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường số tiền 2.100.000đ nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 2.100.000đ; 01 cây thuốc là Thăng Long trị giá 90.000đ Bị hại anh K không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nhưng các tài sản này bị cáo đã sử dụng và tiêu sài hết là vật chứng liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị HĐXX truy thu số tiền 2.190.000đ của bị cáo Đ sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo : Lời khai của bị cáo Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại anh Nguyễn Văn K, chị Lê Thị Tr, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H, lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 01 giờ ngày 11/7/2020, Nguyễn Ngọc Đ đã thực hiện hành vi lén lút bí mật vào gia đình nhà chị Lê Thị Tr ở thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên chiếm đoạt tài sản có tổng trị giá là 2.210.000đ trong đó tiền mặt là 2.100.000 đồng; 01 cây thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long giá trị: 90.000 đồng; 01 chiếc ví giả da màu nâu trị giá 20.000đ bên trong có 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 đăng ký xe mô tô, 01 chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô, 01 chứng minh thư nhân dân đều mang tên anh Nguyễn Văn K. Sau đó thì bị phát hiện.

[3]. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi lén lút bí mật chiếm đoạt của chị Tr, anh K 2.210.000đ trong đó tiền mặt là 2.100.000 đồng; 01 cây thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long giá trị: 90.000 đồng; 01 chiếc ví giả da màu nâu trị giá 20.000đ là vi phạm pháp luật. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Đ về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an. Do đó, việc áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là cần thiết.

[5]. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, giá trị tài sản không lớn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ngoài ra bị hại anh K có đơn và có ý kiến tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[6]. Sau khi cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo Đ ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành những người công dân có ích cho xã hội.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, gia đình kinh tế khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Giai đoạn điều tra bị hại anh K yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.100.000đ, tại phiên tòa anh K tự nguyện không yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường số tiền 2.100.000đ. Do đó về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX không đặt ra giải quyết.

[9]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 2.100.000đ Bị hại anh Nguyễn Văn K tại phiên tòa không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, 01 cây thuốc lá Thăng Long Hội đồng định giá tài sản huyện Văn Lâm kết luận giá trị là 90.000đ, bị cáo đã sử dụng và tiêu sái cá nhân là vật chứng liên quan đến việc phạm tội nên sẽ truy thu số tiền 2.190.000đ của bị cáo Đ sung quỹ Nhà nước.

[10]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1; khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 1 năm 6 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Bị cáo Đ cho Ủy ban nhân dân xã L giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu của cáo Đ số tiền 2.190.000đ (*Hai triệu một trăm chín mươi nghìn đồng*) sung quỹ Nhà nước.

Về án phí : Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện V;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Phạm Văn Trung**